TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2026
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mừng;
2. Ông Đặng Trung Hiếu
Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Không.
Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kpă N, sinh năm 2001; địa chỉ: Làng Q, xã C, tỉnh Gia Lai. CCCD số 064301000798. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Rah Lan R, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Làng Q, xã C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Thôn I, xã C, tỉnh Gia Lai. CCCD số 064201008192. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kpă N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chị và anh Rah Lan R tự nguyện tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C (N là xã C), tỉnh Gia Lai vào ngày 19/5/2021. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị và anh R1 lan R đã sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay và

không còn quan tâm gì đến nhau, anh chị đã giải quyết ly hôn theo phong tục của người Jrai. Do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai giải quyết cho chị được ly hôn với anh R1 lan Rừng.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 người con chung Kpă H'Nhạc, sinh ngày 29/6/2018 *(Nữ)*.

Hiện con chung đang sống cùng với chị và chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là Kpă H. Chị không yêu cầu anh Rah Lan R phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Rah Lan R: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Rah Lan R nhưng anh Rah Lan R đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh Rah Lan R tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; mặc dù anh Rah Lan R biết rõ chị Kpă N khởi kiện xin ly hôn với anh tại Tòa án.

Cháu Kpă H có nguyện vọng sống với mẹ là chị Kpă N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/10/2025, nguyên đơn là chị Kpă N có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Rah Lan R và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị Kpă N đúng quy định, anh Rah Lan R có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Kpă N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Rah Lan R *(Là bị đơn trong vụ án)* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Kpă N, anh Rah Lan R và yêu cầu khởi kiện của chị Kpă N thấy rằng:

Chị Kpă N và anh Rah Lan R chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C (N là xã C), tỉnh Gia Lai vào ngày 19/5/2021. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau. Chị Kpă N sinh sống ở làng Q, xã C, tỉnh Gia Lai, còn anh Rah Lan R sinh sống với bố mẹ đẻ tại thôn I, xã C, tỉnh Gia Lai. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Tòa án triệu tập lấy ý kiến, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, song anh Rah Lan R đều cố tính vắng mặt mà không có lý do, không có thiện chí trong việc duy trì hạnh phúc gia đình mà phó mặc cho việc giải quyết của Tòa án. Xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị Kpă N và anh Rah Lan R là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị Kpă N được ly hôn với anh Rah Lan R.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Kpă H1' Nhạc. Khi ly hôn, chị Kpă N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Kpă H1' Nhạc hiện đang ở với chị Kpă N và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt mặc dù anh Rah Lan R không chu cấp hay hỗ trợ để chị nuôi con. Chị Kpă N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kpă H1' Nhạc. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Kpă H1' Nhạc cho chị Kpă N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kpă N về việc không yêu cầu anh Rah Lan R cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Kpă N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, 244 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số

85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. <u>Tuyên xử</u>: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Kpă N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Kpă N được ly hôn với anh Rah Lan R.

1.2 Về con chung: Giao cháu Kpă H, sinh ngày 29/6/2018 *(nữ)* cho chị Kpă N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kpă H thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Rah L Rừng không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí: Buộc chị Kpă N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003128 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 11 – Gia Lai;
- UBND xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Trung